

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

Về việc: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - TỈNH B
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Giai Thương.

Bà Bùi Thị Lợi.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Th - tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian và địa điểm mở phiên tòa số: 02/2022/TB-TA ngày 15/7/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H - xã N - huyện Th - tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B - xã N - huyện Th - tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Vương Văn D, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn H - xã N - huyện Th - tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Phạm Thị B và lời khai của anh Vương Văn D tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B với anh Vương Văn D quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau là hoàn toàn tự nguyện. Được sự đồng ý của hai bên gia

đình, chị B và anh D đã tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N - huyện Th - tỉnh B vào ngày 15/01/2010. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh D làm dâu, làm ăn sinh sống ngay và vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm làm ăn, sinh hoạt hàng ngày cũng như trong cách nuôi dạy con chung. Quá trình chung sống, do không chịu đựng nổi cuộc sống như vậy nên chị B đã nhiều lần đem theo con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ để dễ sinh sống, xong anh D cũng đã nhiều lần xin lỗi hứa thay đổi, vì hạnh phúc gia đình, vì tương lai của các con chị B cũng đã nhiều lần bỏ qua cho anh D để vợ chồng về đoàn tụ tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, cuộc sống không có thay đổi nên từ cuối năm 2020 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng. Do đó, từ tháng 8/2021 đến nay thì chị B và anh D đã sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Về con chung: Chị B và anh D đều xác định trong thời gian chung sống giữa chị B với anh D có với nhau 02 con chung là cháu Vương Minh Đ, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Vương Thị Cát T, sinh ngày 19/5/2018. Hiện tại, các con chung đều đang sinh sống cùng với chị B được chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển khỏe mạnh bình thường.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị B với anh D cũng đều xác định không có tài sản chung, tài sản riêng, không có vướng mắc gì về đất nông nghiệp cùng công sức đóng góp trong thời gian chung sống, vợ chồng không vay mượn của ai và không cho ai vay mượn gì.

Nguyên đơn chị Phạm Thị B tại phiên tòa đã trình bày cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh D quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau là hoàn toàn tự nguyện. Được sự đồng ý của hai bên gia đình, chị và anh D đã tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N - huyện Th - tỉnh B vào ngày 15/01/2010. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu, làm ăn sinh sống ngay và vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm làm ăn, sinh hoạt hàng ngày cũng như trong cách nuôi dạy con chung, anh D không chịu làm ăn và thường xuyên rượu chè nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, do không chịu đựng nổi cuộc sống như vậy nên chị đã nhiều lần đem theo con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ để dễ sinh sống, xong anh D cũng đã nhiều lần xin lỗi hứa thay đổi, vì hạnh phúc gia đình, vì tương lai của các con chị cũng đã nhiều lần bỏ qua cho anh D để vợ chồng về đoàn tụ tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, sau khi về tiếp tục chung sống thì anh D vẫn không có thay đổi nên từ cuối năm 2020 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng trầm

trọng. Do đó, từ tháng 8/2021 đến nay thì vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay, bản thân chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh D không thể về đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định trong thời gian chung sống giữa chị với anh D có với nhau 02 con chung là cháu Vương Minh Đ, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011 và cháu Vương Thị Cát T, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018. Hiện tại, các con chung đều đang sinh sống cùng với chị được tôi nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển khỏe mạnh bình thường. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được tiếp tục trực tiếp nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do con chung là cháu Đ đã trên 07 tuổi nên chị cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ là muốn được ở với bố của cháu là anh D.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị cũng xác định giữa chị với anh D không có tài sản chung, tài sản riêng, không có vướng mắc gì về đất nông nghiệp cùng công sức đóng góp trong thời gian chung sống, vợ chồng không vay mượn của ai và không cho ai vay mượn gì nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vương Văn D tại phiên tòa đã trình bày cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị B quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau là hoàn toàn tự nguyện. Được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh và chị B đã tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N - huyện Th - tỉnh B vào ngày 15/01/2010. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh làm dâu, làm ăn sinh sống ngay và vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 08 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, vụn vặt trong cuộc sống gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị tai nạn giao thông không đi làm được nên điều kiện cuộc sống kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau. Từ tháng 8/2021 chị B xin phép gia đình nhà anh được về bên ngoại để sinh sống và ở bên đó luôn từ thời điểm đó cho đến nay. Trong thời gian chị B về bên ngoại sinh sống anh đã nhiều lần xuống nói chuyện động viên để vợ chồng và con cái về đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng chị B vẫn chưa đồng ý. Nay, chị B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn bản thân anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng thực ra không có gì trầm trọng, vợ chồng vẫn có thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải cho anh với chị B về đoàn tụ để tiếp tục chung sống và nuôi dạy các con chung khôn lớn, trưởng thành.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh xác định giữa anh với chị B có với nhau 02 con chung là cháu Vương Minh Đ, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Vương Thị Cát T, sinh ngày 19/5/2018. Từ nhỏ cho đến nay các con chung đều

được vợ chồng anh gửi về bên ngoại sinh sống và được ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển khỏe mạnh bình thường. Do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Anh cũng xác định giữa anh với chị B không có tài sản chung, tài sản riêng, không có vướng mắc gì về đất nông nghiệp cùng công sức đóng góp trong thời gian chung sống, vợ chồng không vay mượn của ai và không cho ai vay mượn gì nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Vương Văn D, xin được trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu Vương Thị Cát T, còn cháu Vương Minh Đ theo nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với anh D nên chị B đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do xác định không có tài sản chung, tài sản riêng, không có vướng mắc gì về đất nông nghiệp, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian chung sống nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Vương Văn D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do không đồng ý ly hôn nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian chung sống.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng của Th thẩm phán cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phạm Thị B và bị đơn anh Vương Văn D đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn anh Vương Văn D đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật khi không ký biên bản, xé biên bản làm việc của Tòa án và bỏ về trong quá trình Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị B được ly hôn anh Vương Văn D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Thị Cát T cho chị Phạm Thị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Vương Minh Đ cho anh

Vương Văn D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với nguyên đơn chị Phạm Thị B và bị đơn anh Vương Văn D. Chị B và anh D đều có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh D không ký biên bản, xé biên bản làm việc của Tòa án và bỏ về. Do đó, Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được nhưng đã có Thông báo kết quả cho anh D biết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B kết hôn với anh Vương Văn D vào ngày 15/01/2010. Trước khi kết hôn chị B và anh D có được tự do tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N - huyện Th - tỉnh B. Việc kết hôn giữa chị B với anh D đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị B và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu xin cầu ly hôn của chị B đối với anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng giữa chị B với anh D đã xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm làm ăn, sinh hoạt hàng ngày cũng như trong cách nuôi dạy con chung, anh D không chịu làm ăn và thường xuyên rượu chè nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, chị B đã nhiều lần đem theo con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, xong anh D cũng đã nhiều lần xin lỗi hứa thay đổi nên chị B cũng đã nhiều lần bỏ qua cho anh D để vợ chồng về đoàn tụ tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, sau khi về tiếp tục chung sống do anh D vẫn không có thay đổi nên từ cuối năm 2020 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng. Do đó, từ tháng 8/2021 đến nay thì chị B và anh D đã sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù, anh D không thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị B đã trình bày và cho rằng trong cuộc sống có nảy sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, vụn vặt. Hơn nữa, anh D cũng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D bị tai nạn giao thông không đi làm được nên điều kiện cuộc sống kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau.

Tuy nhiên, anh D cũng thừa nhận giữa anh D với chị B đã sống ly thân từ 8/2021 đến nay.

Xét thấy, lời khai của chị B về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được tại địa phương thì thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh D đã rất trầm trọng, kéo dài không giải quyết khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị B phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên xem xét chấp nhận.

Về con chung: Chị Phạm Thị B và anh Vương Văn D đều xác định trong thời gian chung sống giữa chị B với anh D có với nhau 02 con chung là cháu Vương Minh Đ, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Vương Thị Cát T, sinh ngày 19/5/2018. Quá trình giải quyết vụ án, các con chung là cháu Đ và cháu T đang ở cùng với chị B được chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị B xin được tiếp tục trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu T, còn con chung là cháu Đ có nguyện vọng xin được ở với anh D nên chị B đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Thời điểm bắt đầu sống ly thân, hai con chung ở với chị B được chị B nuôi dưỡng khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị B vẫn đảm bảo tốt việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện tại, cả chị B và anh D đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do cháu T đang sinh sống cùng chị B được chị B chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Đ mặc dù cũng đang sinh sống cùng chị B nhưng có nguyện vọng xin được ở với anh D. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung và quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự thì cần giao cháu T cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị B và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp công nợ và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị Phạm Thị B và anh Vương Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B được ly hôn anh Vương Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Thị Cát T, sinh ngày 19/5//2018 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là cháu Vương Minh Đ, sinh ngày 26/02/2011 cho anh Vương Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Phạm Thị B và anh Vương Văn D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xác nhận chị B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005415 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th - tỉnh B.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bá Thành

Nguyễn Thị Kim Dung

Bùi Văn Tuyên

